

CÔNG TY TNHH TMDV VẬN TẢI HỮU MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV VẬN TẢI HỮU MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400955784

3. Ngày thành lập: 21/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

TDP 5, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0924 468 314

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Lắp đặt, trang trí nội thất	4330
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Bán mô tô, xe máy	4541
7.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
8.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
9.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
10.	Bán buôn thực phẩm	4632
11.	Bán buôn đồ uống	4633
12.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
13.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn các thiết bị máy móc công nghiệp, thiết bị xử lý chất thải	4659

18.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
19.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất sử dụng trong xử lý môi trường được Nhà nước cho phép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
21.	Khai thác gỗ	0220
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá mà công ty kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ xuất, nhập khẩu hàng hoá	8299
23.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	6810
24.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	6820
25.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Tư vấn lập hồ sơ thống kê, kiểm kê đất đai; Lập hồ sơ phục vụ công tác: Giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; dịch vụ thông tin đất đai; lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.	7020
26.	Cho thuê xe có động cơ	7710
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia	4723
29.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
30.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
31.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
32.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
34.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
35.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
36.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
37.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
38.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

39.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh đá mỹ nghệ, đá phong thủy và các sản phẩm từ đá	2396
40.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410(Chính)
41.	Đúc sắt, thép	2431
42.	Đúc kim loại màu	2432
43.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
44.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
46.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
47.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
48.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
49.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: bán lẻ thuốc lá, các loại thuốc lá mà nhà nước không cấm	4781
51.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
52.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
53.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
54.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
55.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
56.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
57.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
58.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Bốc xếp hàng hóa	5224
61.	Bưu chính	5310
62.	Chuyển phát	5320
63.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
64.	Cơ sở lưu trú khác	5590
65.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
66.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
67.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

69.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
70.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
71.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
75.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
76.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
77.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
78.	Thu gom rác thải độc hại	3812
79.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
80.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
81.	Tái chế phế liệu	3830
82.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
83.	Xây dựng nhà để ở	4101
84.	Xây dựng nhà không để ở	4102
85.	Xây dựng công trình điện	4221
86.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
87.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
88.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
89.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
90.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
91.	Phá dỡ	4311
92.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
93.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
94.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
95.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán thiết bị nội thất, thiết bị nhà bếp	4752
96.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
97.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
98.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN HỮU MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024077016852

Ngày cấp: 14/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: TDP 5, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP 5, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HỮU MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/04/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024077016852

Ngày cấp: 14/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: TDP 5, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: TDP 5, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang